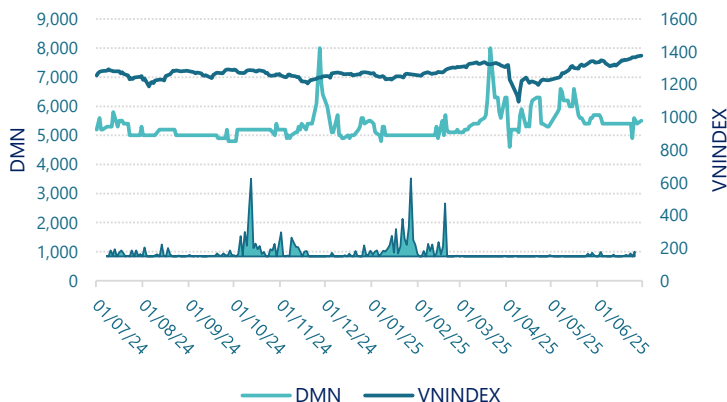




CTCP Domenal (UPCOM: DMN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	5,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,600
SL cổ phiếu LH	12,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,180
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	69
P/E	5.7
EPS	973

DT thuần

Q2/25

231

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 52.0 | 29.3%

YoY: ▲ 54.0 | 30.8%

LN sau thuế

Q2/25

8.51

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.29 | 63.1%

YoY: ▲ 14.8 | 236%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.6%

+/- YoY: ▲ 5.3%

DT thuần

6T 2025

411

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 10.0 | -2.3%

LN sau thuế

6T 2025

13.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.0 | 406%

ROE

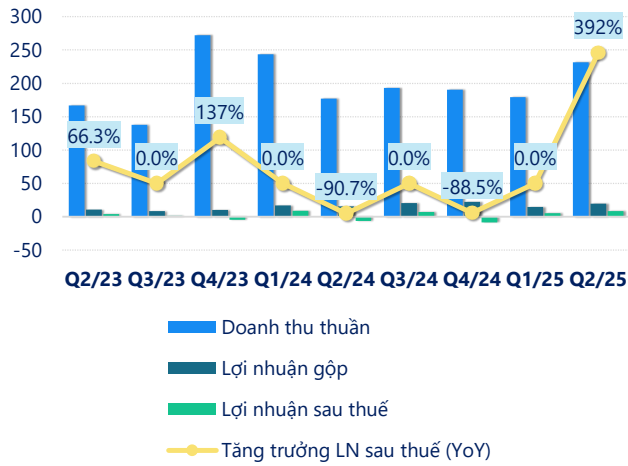
Q2/25

7.5%

+/- YoY: ▲ 7.9%

tỷ VNĐ

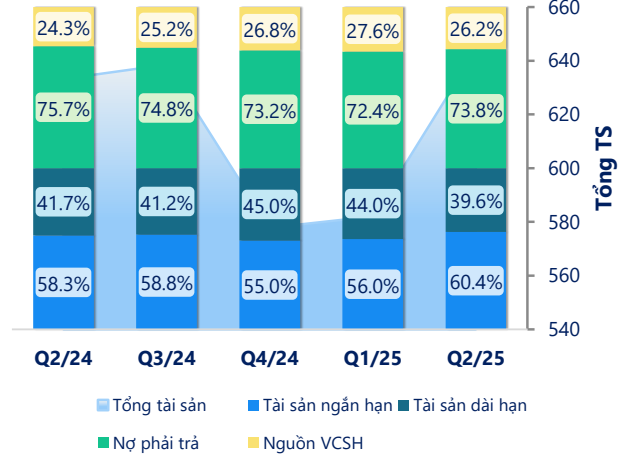
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

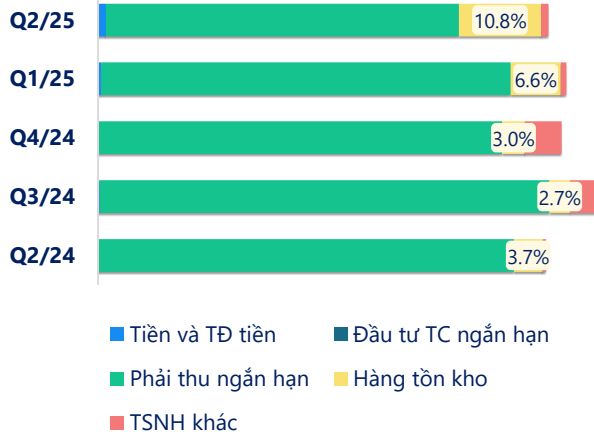
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



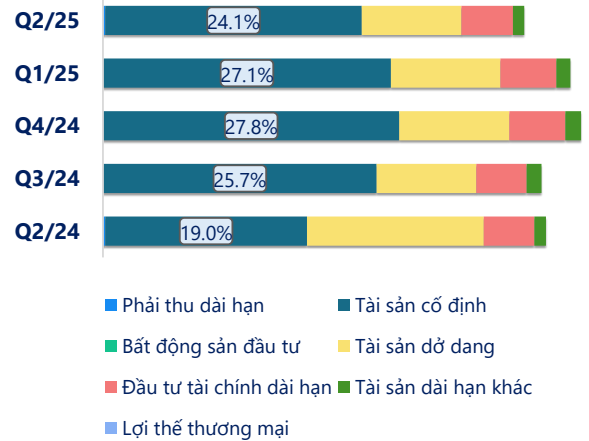
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

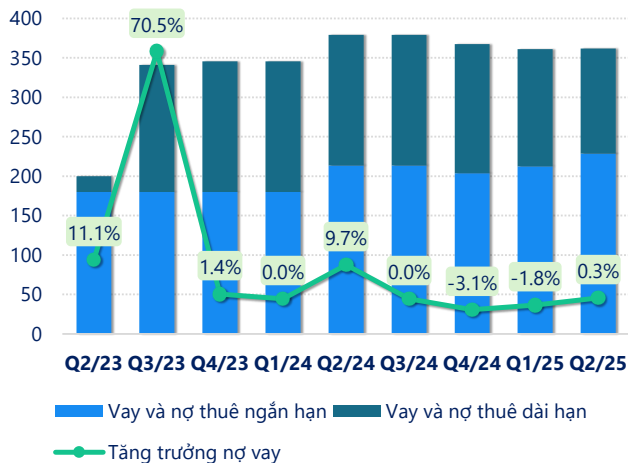
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

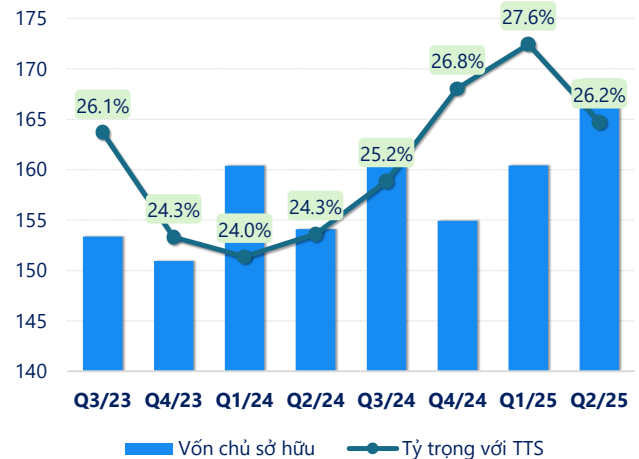
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

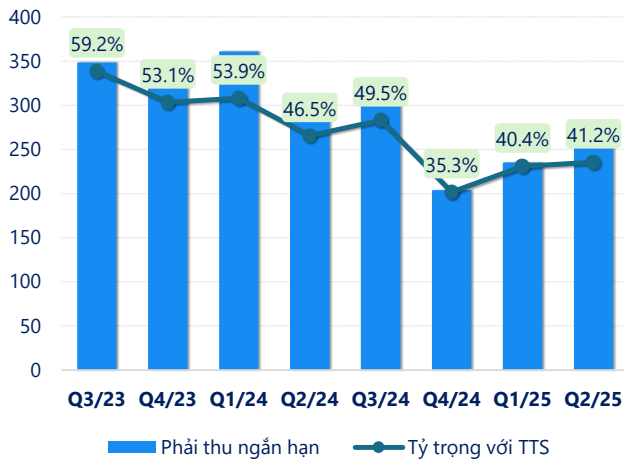
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



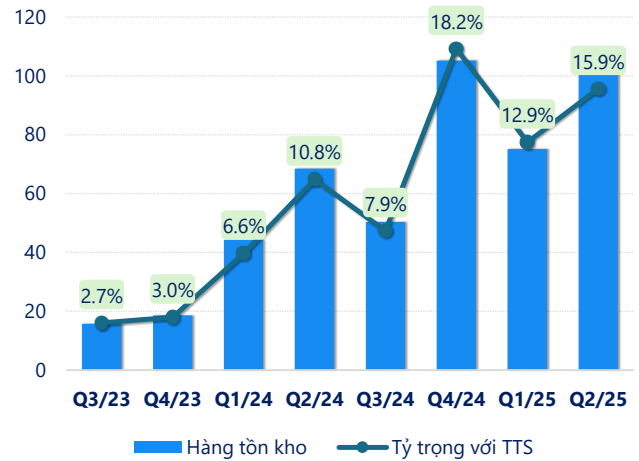
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


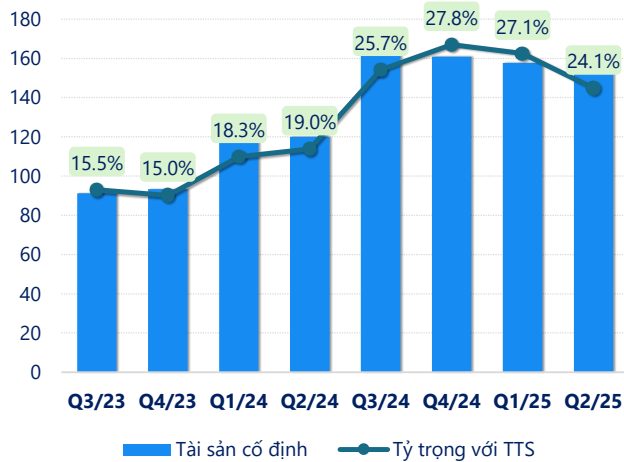
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


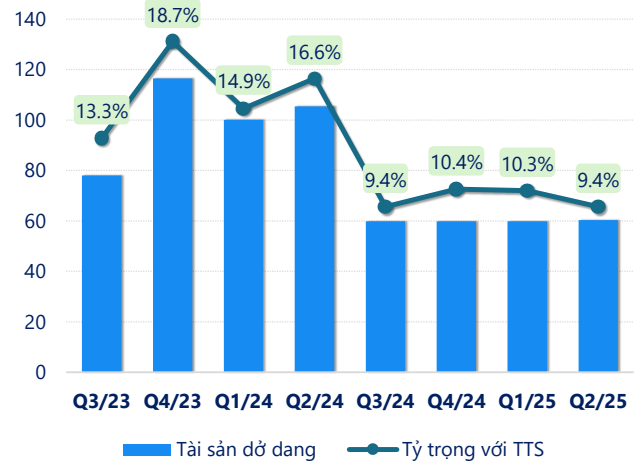
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

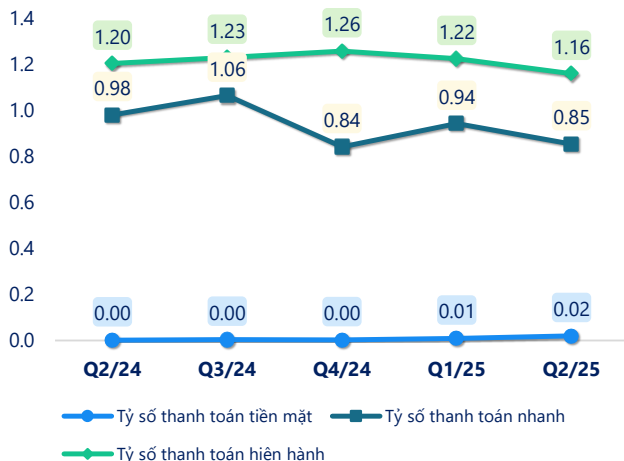
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

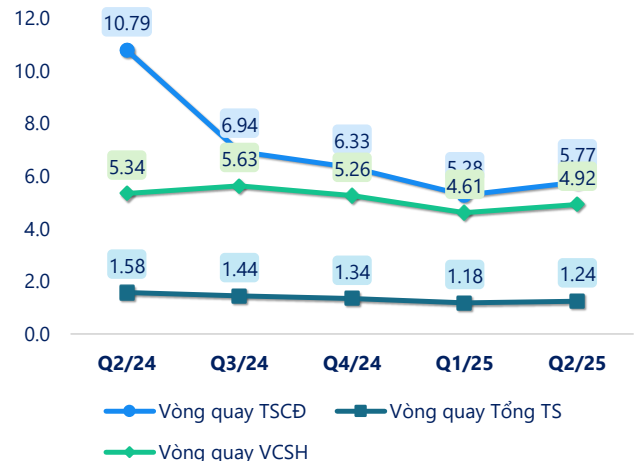
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	633	639	578	582	644
Tài sản ngắn hạn	369	375	318	326	389
Tiền và tương đương tiền	0.43	1.25	0.55	2.42	6.76
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	4.00	4.00
Phải thu ngắn hạn	294	316	204	235	265
Hàng tồn kho	68.5	50.4	105	75.1	103
Tài sản ngắn hạn khác	6.32	7.31	8.23	9.55	10.1
Tài sản dài hạn	264	263	260	256	255
Phải thu dài hạn	1.38	0.13	0.13	0	1.38
Tài sản cố định	120	164	161	158	155
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	105	59.9	59.9	59.9	60.4
Đầu tư tài chính dài hạn	30.0	30.2	30.3	30.6	31.1
Tài sản dài hạn khác	6.99	8.98	8.61	7.73	6.89
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	479	477	423	422	475
Nợ ngắn hạn	307	305	253	266	335
Vay và nợ thuê ngắn hạn	213	213	204	212	229
Phải trả người bán ngắn hạn	41.1	59.1	19.3	24.3	78.4
Nợ dài hạn	172	172	170	155	140
Vay và nợ thuê dài hạn	166	166	164	149	133
Nguồn vốn chủ sở hữu	154	161	155	160	169
Vốn chủ sở hữu	154	161	155	160	169
Vốn điều lệ	125	125	125	125	125
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)